

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số 57/2024/DS - ST

Ngày: 24/6/2024

V/ v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy và ông Trần Sinh Tụ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ E, phường P, TP T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị Phương A, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Tổ E, phường Đ, thành phố T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đ trình bày: Ông có cho bà Nguyễn Thị Hồng V vay số tiền 190.000.000đ trong 3 lần khác nhau cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 14/3/2022 cho bà V vay số tiền 116.000.000đ, thời hạn vay 2 tháng.

Lần thứ hai: Ngày 12/4/2022 cho bà V số tiền 19.000.000đ không ghi thời hạn trả.

Lần thứ 3 cho bà V vay số tiền 55.000.000đ không ghi ngày vay, không ghi thời hạn trả, không ghi lãi suất. Ông Đ đòi nhiều lần nhưng bà V không trả gốc, lãi

nên ông làm đơn khởi kiện đề nghị Toà án buộc bà V trả nợ số tiền 190.000.000đ gốc và 40.000.000đ tiền lãi.

Bị đơn bà V trình bày: Bà có viết, ký giấy vay tiền với ông Đ 2 lần. lần thứ nhất là 116.000.000đ và lần thứ hai là 19.000.000đ với tổng số tiền là 135.000.000đ bà chỉ viết và ký giấy còn tiền do con dâu là cháu Phương A nhận tiền. Đến nay bà chưa trả gốc và lãi cho ông Đ. Nhưng hàng tháng con dâu là cháu Phương A vẫn trả lãi cho ông Đ.

Bà nhất trí trả 02 khoản nợ với số tiền 135.000.000đ, không nhất trí trả lãi. Đối với lần thứ 3 ông Đ khởi kiện bà không ký và viết giấy vay như ông Đ1 khai nên không nhất trí trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trước tháng 3 năm 2022 chị có nhiều lần vay tiền của ông Đ và đã thanh toán hết. Đến tháng 3 năm 2022 chị có hỏi vay ông Đ số tiền 200 triệu, nhưng ông Đ bảo chưa có nên ông Đ đưa trước cho chị số tiền 116.000.000đ và đã viết giấy đã nhận tiền của ông Đ. Sau đó ông Đ lại gọi ra lấy thêm tiền số tiền 19.000.000đ. Ngoài ra khoảng tháng 6 hay tháng 7/2022 chị có vay của ông Đ số tiền 55.000.000đ và lần nữa vay số tiền 5.000.000đ. Tổng cộng chị vay của ông Đ số tiền 195.000.000đ chưa trả được tiền gốc. Tôi mới chỉ trả được lãi số tiền 6.000.000đ/tháng.

Chị xác định có vay của ông Đ và có trách nhiệm trả tiền cho mẹ chồng là bà V để bà V trả tiền cho ông Đ.

Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên phải đưa ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ, Buộc bà V thanh toán trả ông Đ số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho các đương sự (đương sự là người cao tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Hoàng Đ với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V; Căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung: Ông Đ cho bà V vay 3 lần tiền tổng cộng là 190.000.000đ tiền gốc khi vay có viết giấy biên nhận, nhưng không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả lần 1 là 2 tháng, hai lần vay sau không ghi thời hạn trả cũng không ghi lãi suất, ông Đ đòi nhưng bà vẫn không trả nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà V trả số tiền gốc là 190.000.000đ và lãi suất 9%/năm tính ra khoảng 40.000.000đ lãi.

Bà V nhất trí trả cho ông Đ 190.000.000đ tiền gốc, nhất trí trả lãi theo mức lãi suất 9%/ năm, số ngày tính lãi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xác định có nhận tiền của ông Đ nên có trách nhiệm trả cho ông Đ thay cho bà V.

Tài liệu nguyên đơn cung cấp 1 tờ giấy có nội dung:

Lần 1: Ngày 14/3/2022 bà V có nhận của ông Đ 116.000.000 đ thời gian hai tháng.

Lần 2 : Ngày 12/4/2022 bà V vay 19.000.000đ.

Lần 3: Không ghi ngày bà V vay số tiền 55.000.000đ.

Quá trình giải quyết bà V không thừa nhận khoản vay lần thứ 3.

Tài liệu giám định chữ ký chữ viết của Phòng K công an tỉnh T thể hiện chữ viết trong toàn bộ nội dung giấy vay tiền là do cùng 1 người viết ra.

Tại phiên tòa bà V thừa nhận và công nhận có viết giấy vay ông Đ 3 lần như ông Đ trình bày và nhất trí trả nợ gốc và lãi cho ông Đ1.

Với các tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đ1 khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà V trả ông Đ số tiền gốc là 190.000.000đ là có căn cứ được chấp nhận.

Về số tiền lãi: Đối với khoản vay lần 1: Ngày 14/3/2022 bà V vay của ông Đ 116.000.000 đ thời gian hai tháng. Hết thời hạn vay bà V không trả gốc cho ông Đ nên bà V phải chịu lãi kể từ ngày 15/3/2022, mức lãi suất ông Đ đề nghị là 9%/ năm là phù hợp nên buộc bà V phải chịu lãi như sau: Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 24/6/2024 là 25 tháng 9 ngày x 9%/ năm (0,75%/Tháng) x 116.000.000 = 22.011.000đ. (lãi)

Đối với khoản vay lần 2 và lần 3 không ghi thời hạn trả nên tính từ ngày ông Đ khởi kiện 04/5/2023 bà V phải chịu lãi đối với số tiền gốc cụ thể như sau: 19.000.000đ+ 55.000.000đ = 74.000.000đ x 13 tháng 20 ngày x 0,75%/ tháng = 7.585.000đ

Tổng cộng lãi là 29.596.000đ buộc bà V phải thanh toán trả cho ông Đ là phù hợp.

Tại phiên tòa ông Đ yêu cầu tính lãi mức lãi suất 9%/năm nhưng lại thành số tiền 40 triệu đồng là không đúng nên số tiền 10.414.000đ không có căn cứ chấp nhận cần bác yêu cầu của ông Đ.

Đối với ý kiến của bà V cho rằng bà đã trả lãi cho ông Đ thông qua con dâu là chị Phương A, ông Đ không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với ý kiến của chị Phương A cho rằng khoản tiền bà V ký giấy là do chị nhận tiền, khi nhận tiền chị lại tiếp tục viết giấy với ông Đ, phía ông Đ không thừa nhận và xác định không liên quan đến khoản nợ của bà V do đó ý kiến của chị Phương A đề nghị xem xét không có căn cứ chấp nhận.

Về chi phí giám định: Bà V phải chịu chi phí giám định. Buộc bà V trả lại cho ông Đ 2.430.000đ chi phí do ông Đ đã ứng trước.

Về án phí: Trong vụ án này cả hai bên đương sự đều phải chịu án phí tuy nhiên cả hai bên đều là người cao tuổi nên miễn án phí cho cả hai bên.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng Đ

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V trả ông Phạm Hoàng Đ 190.000.000đ tiền gốc và 29.596.000đ tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 219.596.000đ

2. Về chi phí giám định: Buộc bà V trả ông Đ 2.430.000đ chi phí giám định do ông Đ đã ứng trước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự cho cả hai bên đương sự.

Trả lại ông Đ 4.575.000đ tiền tạm ứng án phí theo số biên lai thu số 0002119 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Liên